

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI



BÀI VIẾT THÁNG 8/2026

“Xuất khẩu gỗ vượt mốc 10 tỷ USD sau 7 tháng, cơ cấu thị trường dịch chuyển tích cực”

Thuộc nhiệm vụ:

Truyền thông về các chính sách, giải pháp, hoạt động nhằm phát triển xuất nhập khẩu và công tác hội nhập, tận dụng cam kết quốc tế trên các bản tin và trang thông tin điện tử của Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Hà Nội, 2026

Xuất khẩu gỗ vượt mốc 10 tỷ USD sau 7 tháng, cơ cấu thị trường dịch chuyển tích cực

Trong tháng 7/2026, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, đạt 1,61 tỷ USD, tăng 3,9% so với tháng 6/2026 và tăng 8,55% so với tháng 7/2025. Tính chung 7 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này đạt 10,21 tỷ USD, tăng 5,6% so với cùng kỳ năm 2025, qua đó lần đầu vượt mốc 10 tỷ USD chỉ sau 7 tháng và tiếp tục khẳng định vai trò của ngành gỗ trong nhóm các ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam.

Tuy nhiên, mức tăng trưởng chung có sự phân hóa rõ giữa các thị trường. Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất, chiếm 49,87% tổng kim ngạch, song kim ngạch 7 tháng chỉ đạt 5,09 tỷ USD, giảm 5,8%, khiến tỷ trọng giảm mạnh so với mức 55,93% cùng kỳ năm trước. Riêng tháng 7/2026, xuất khẩu sang Mỹ đạt 827,22 triệu USD, tăng 5,51% so với tháng 6 nhưng giảm 1,9% so với cùng kỳ, cho thấy thị trường này vẫn chịu sức ép từ những biến động về chính sách thương mại và yêu cầu phòng vệ thương mại. Ngược lại, Trung Quốc nổi lên là điểm sáng quan trọng khi xuất khẩu 7 tháng đầu năm 2026 đạt 1,54 tỷ USD, tăng 46,44%, đưa tỷ trọng lên 15,04%; riêng tháng 7/2026 tăng tới 45,35% so với cùng kỳ. Nhật Bản tiếp tục giữ vị trí thứ ba với 1,27 tỷ USD, tăng 5,78%, cho thấy thị trường này duy trì tương đối ổn định. Đáng chú ý, EU đang trở thành khu vực có tốc độ tăng trưởng nổi bật, với kim ngạch 7 tháng đạt 502,37 triệu USD, tăng 58,39%, trong đó xuất khẩu sang Hà Lan tăng tới 103,89%. Trái lại, Hàn Quốc ghi nhận diễn biến kém tích cực khi kim ngạch 7 tháng giảm 8,2%, còn tháng 7 giảm 6,4% so với cùng kỳ năm trước.

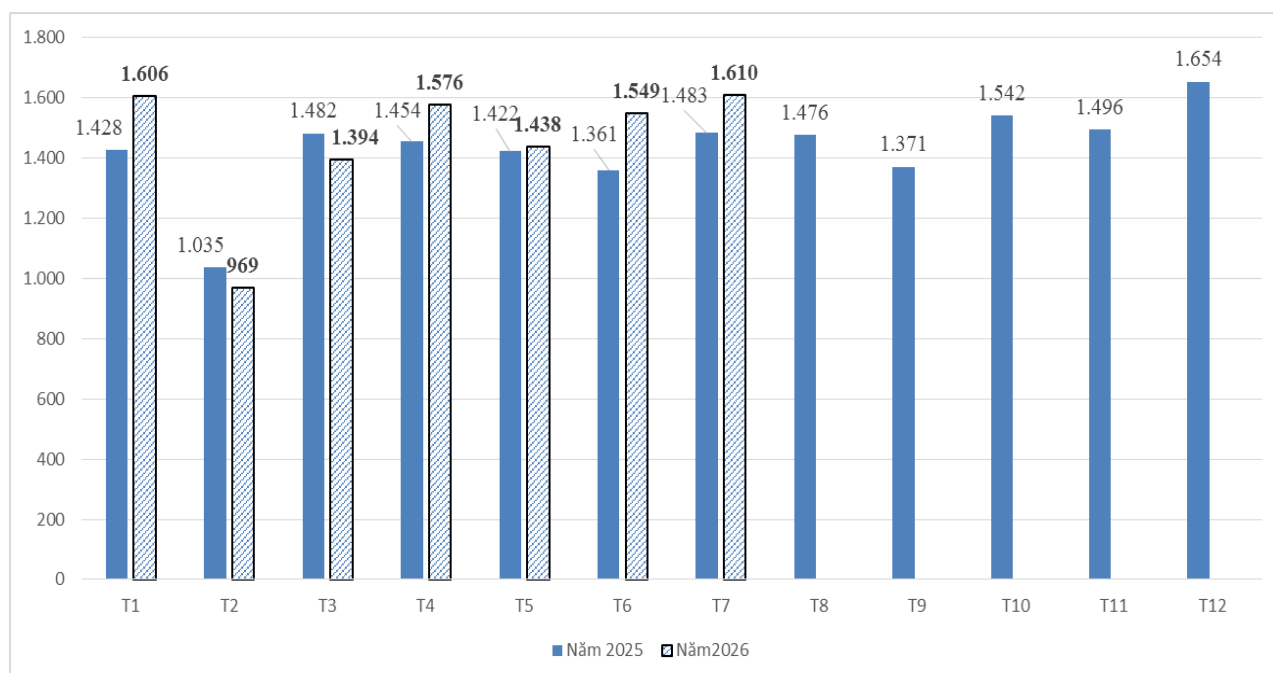
Về cơ cấu mặt hàng, xuất khẩu ghé khung gỗ tiếp tục dẫn đầu với kim ngạch 2,37 tỷ USD trong 7 tháng đầu năm 2026, tăng 9,61% và chiếm 23,2% tổng kim ngạch. Xuất khẩu dăm gỗ đứng thứ hai với 1,74 tỷ USD, tăng mạnh 23,69%, trong khi xuất khẩu gỗ, ván và ván sàn đạt 1,56 tỷ USD, tăng 20,74%; đây là những nhóm đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung. Ngược lại, xuất khẩu nhiều nhóm nội thất có xu hướng suy giảm, trong đó đồ nội thất phòng khách và phòng ăn giảm 4,02%, phòng ngủ giảm 4,32%, nhà bếp giảm 15,04% và nội thất văn phòng giảm tới 26,76%. Xuất khẩu gỗ viên nén tăng nhẹ 5,21%, còn xuất khẩu cửa gỗ tăng 13,44% nhưng quy mô vẫn khá nhỏ.

NỘI DUNG CHI TIẾT:

Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu gỗ trong tháng 7/2026 đạt 1,61 tỷ USD, tăng 3,9% so với tháng 6/2026 và tăng tới 8,55% so với tháng 7/2025. Đây là mức tăng đáng ghi nhận, đặc biệt khi tháng 7 thường là giai đoạn doanh nghiệp chuẩn bị đơn hàng cho mùa tiêu dùng cuối năm tại nhiều thị trường lớn.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 10,21 tỷ USD, tăng 5,6% so với cùng kỳ năm 2025. Như vậy, ngành gỗ đã vượt mốc 10 tỷ USD chỉ sau 7 tháng, tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Tuy nhiên, đằng sau mức tăng trưởng chung tương đối tích cực là sự phân hóa ngày càng rõ giữa các thị trường: một số thị trường truyền thống, đặc biệt là Mỹ, đang chịu sức ép và tăng trưởng âm, trong khi Trung Quốc, EU cùng một số thị trường châu Âu lại nổi lên như những động lực quan trọng giúp bù đắp phần suy giảm.

Biểu đồ 1: Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam qua các tháng trong năm 2025-2026 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Cục Hải quan

Xét về cơ cấu thị trường trong 7 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu gỗ của Việt Nam vẫn tập trung cao vào ba thị trường chủ lực gồm Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản. Riêng ba thị trường này đạt tổng kim ngạch khoảng 7,89 tỷ USD, tương đương

77,33% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của cả nước. Trong đó, Mỹ đứng đầu với tỷ trọng chiếm 49,87%, Trung Quốc đứng thứ hai với 15,04% và Nhật Bản đứng thứ ba với 12,42%. Đáng chú ý, so với cùng kỳ năm trước, tỷ trọng của Mỹ đã giảm đáng kể, trong khi tỷ trọng của Trung Quốc tăng lên.

+ *Thị trường Mỹ*: Mỹ tiếp tục giữ vị trí thị trường xuất khẩu gỗ lớn nhất của Việt Nam, song diễn biến trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm cho thấy thị trường này đang chịu sức ép rõ rệt. Riêng tháng 7/2026, Việt Nam xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Mỹ đạt khoảng 827,22 triệu USD, tăng 5,51% so với tháng 6, cho thấy nhu cầu vẫn tương đối lớn và đơn hàng vẫn được duy trì. Tuy nhiên, nếu so với tháng 7/2025, kim ngạch lại giảm 1,9%. Tính chung 7 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu sang Mỹ đạt 5,09 tỷ USD, giảm 5,8% so với cùng kỳ năm 2025, qua đó đưa tỷ trọng của thị trường này xuống còn 49,87%, thấp hơn đáng kể so với mức 55,93% của cùng kỳ năm trước. Như vậy, dù Mỹ vẫn đóng góp gần một nửa tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ của Việt Nam, vai trò của thị trường này đang thu hẹp. Sự suy giảm diễn ra trong bối cảnh các rào cản thương mại và yêu cầu phòng vệ thương mại tại Mỹ ngày càng đáng chú ý đối với ngành gỗ Việt Nam.

+ *Thị trường Trung Quốc*: Trái ngược với diễn biến tại Mỹ, Trung Quốc đang nổi lên như điểm sáng nổi bật nhất trong bức tranh xuất khẩu gỗ của Việt Nam năm 2026. Trong tháng 7/2026, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Trung Quốc đạt 254,25 triệu USD, tăng 14,02% so với tháng 6 và tăng tới 45,35% so với tháng 7/2025. Đây là một trong những mức tăng trưởng cao trong nhóm các thị trường chủ lực, cho thấy nhu cầu từ thị trường Trung Quốc đang phục hồi và tạo thêm dư địa tăng trưởng cho ngành gỗ Việt Nam. Tính chung 7 tháng đầu năm, xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 1,54 tỷ USD, tăng tới 46,44% so với cùng kỳ năm 2025, đưa tỷ trọng của thị trường này lên 15,04%, so với chỉ 10,85% cùng kỳ năm trước. Như vậy, chỉ trong một năm, Trung Quốc đã gia tăng đáng kể vai trò trong cơ cấu xuất khẩu gỗ Việt Nam và tiếp tục củng cố vị trí là thị trường lớn thứ hai. Đáng chú ý, đà tăng của Trung Quốc được hỗ trợ đáng kể bởi nhu cầu đối với dăm gỗ, khi đây là thị trường tiêu thụ dăm gỗ lớn nhất của Việt Nam.

+ *Thị trường Nhật Bản*: Nhật Bản tiếp tục duy trì vị trí là thị trường xuất khẩu gỗ lớn thứ ba của Việt Nam và ghi nhận mức tăng trưởng ổn định hơn so với Mỹ. Trong tháng 7/2026, kim ngạch xuất khẩu sang Nhật Bản đạt khoảng 194,93 triệu

USD, tăng 15,43% so với tháng 6/2026 và tăng 7,22% so với tháng 7/2025. Tính chung 7 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Nhật Bản đạt 1,27 tỷ USD, tăng 5,78% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 12,42% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ của Việt Nam. Mặc dù tốc độ tăng trưởng 7 tháng không cao đột biến như Trung Quốc, Nhật Bản lại có ý nghĩa quan trọng ở khía cạnh ổn định và chất lượng thị trường. Đây là thị trường có yêu cầu cao về chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật, độ an toàn, tính đồng đều của sản phẩm và khả năng đáp ứng đúng tiến độ, do đó việc duy trì tăng trưởng tại Nhật Bản cho thấy năng lực đáp ứng của doanh nghiệp gỗ Việt Nam đang tiếp tục được củng cố.

+ *Thị trường EU*: Trong 7 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang EU đạt khoảng 502,37 triệu USD, tăng tới 58,39% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 4,92% tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành. Mặc dù quy mô còn khá khiêm tốn so với Mỹ, Trung Quốc hay Nhật Bản, tốc độ tăng trưởng của EU đang cao hơn đáng kể mức tăng chung 5,6% của toàn ngành, cho thấy khu vực này đang trở thành một trong những không gian tăng trưởng đáng chú ý của gỗ Việt Nam. Đáng chú ý, trong nhóm thị trường châu Âu, Hà Lan ghi nhận mức tăng mạnh, đạt 105,89 triệu USD, tăng tới 103,89% so với cùng kỳ, qua đó trở thành một trong những điểm sáng nổi bật của thị trường EU.

Ngoài ra, tại khu vực châu Á, Hàn Quốc hiện là thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn thứ ba của Việt Nam (sau Trung Quốc và Nhật Bản), song diễn biến trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2026 lại kém tích cực hơn đáng kể so với hai thị trường dẫn đầu. Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, trong tháng 7/2026, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Hàn Quốc đạt 57,79 triệu USD, giảm 23,9% so với tháng 6/2026 và giảm 6,4% so với tháng 7/2025. Mức giảm đồng thời theo cả tháng liền trước và cùng kỳ cho thấy sức mua từ thị trường này đang có dấu hiệu chững lại trong ngắn hạn, trái ngược với xu hướng tăng khá rõ tại Trung Quốc và Nhật Bản. Tính chung 7 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu sang Hàn Quốc đạt 397,14 triệu USD, giảm 8,2% so với cùng kỳ năm 2025.

Xét về vị trí trong cơ cấu thị trường, khoảng cách của Hàn Quốc với nhóm thị trường dẫn đầu vẫn khá lớn. So với tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ hơn 10,2 tỷ USD trong 7 tháng, thị trường Hàn Quốc chỉ chiếm tỷ trọng 3,9%. Đáng chú ý, trong khi tổng xuất khẩu của ngành vẫn tăng khoảng 5,6% trong 7 tháng, xuất khẩu

sang Hàn Quốc lại giảm 8,2%, cho thấy thị trường này đang tăng trưởng thấp hơn đáng kể so với mặt bằng chung của ngành.

Bảng: Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang các thị trường trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2026

Thị trường	Tháng 7/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 6/2026 (%)	So với tháng 7/2025 (%)	7 tháng đầu năm 2026 (Nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2025
Tổng	1.609.604	3,9	8,55	10.209.840,32	5,6	100	100
Mỹ	827.216	5,51	-1,9	5.091.795,35	-5,8	49,87	55,93
Trung Quốc	254.251	14,02	45,35	1.535.281,85	46,44	15,04	10,85
Nhật Bản	194.926	15,43	7,2	1.267.900,03	5,78	12,42	12,40
EU	63.190	-12,87	33,65	502.369,76	58,39	4,92	3,28
<i>Hà Lan</i>	15.881	-6,28	8,31	105.886,95	103,89	1,04	0,54
<i>Đức</i>	7.975	-8,59	46,73	73.601,90	46,88	0,72	0,52
<i>Bỉ</i>	9.393	-13,18	128,58	72.689,14	108,72	0,71	0,36
<i>Pháp</i>	8.978	26,13	14,07	70.162,15	19,28	0,69	0,61
<i>Tây Ban Nha</i>	7.999	-4,25	63,15	59.541,90	24,81	0,58	0,49
<i>Ba Lan</i>	2.681	-75,48	-3,72	37.435,66	97,82	0,37	0,20
<i>Italy</i>	3.049	7,24	106,12	24.509,52	121,93	0,24	0,11
<i>Thụy Điển</i>	2.042	-12,19	25,82	20.558,01	32,04	0,20	0,16
<i>Đan Mạch</i>	3.092	8,2	16,25	20.424,71	11,23	0,20	0,19
<i>Bồ Đào Nha</i>	428	-51,94	-58,76	6.981,01	39,08	0,07	0,05
<i>Séc</i>	1.058	371,98	290,21	3.264,05	113,48	0,03	0,02
<i>Hy Lạp</i>	174	-17,98	153,7	3.255,72	78,34	0,03	0,02
<i>Phần Lan</i>	370	45,96	109,12	2.910,11	411,8	0,03	0,01
<i>Áo</i>	70	206,97	-64,84	1.148,94	22,26	0,01	0,01
Hàn Quốc	57.788	-23,94	-6,44	397.139,08	-8,17	3,89	4,47
Canada	31.106	15,35	31,89	176.425,77	10,57	1,73	1,65
Anh	21.553	4,88	11,68	156.645,90	12,73	1,53	1,44
Malaysia	17.180	-6,98	22,95	110.049,00	16,39	1,08	0,98
Australia	19.275	19,51	20,75	94.426,45	10,42	0,92	0,88

Thị trường	Tháng 7/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 6/2026 (%)	So với tháng 7/2025 (%)	7 tháng đầu năm 2026 (Nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2025
Mexico	13.791	23,89	117,17	73.498,12	111,18	0,72	0,36
Ấn Độ	8.556	-22,08	62,01	53.846,99	-30,33	0,53	0,80
Thái Lan	8.793	25,47	45,05	50.849,80	6,01	0,50	0,50
Campuchia	6.496	4,29	4,66	42.944,05	23,05	0,42	0,36
Đài Loan	3.917	-8,73	-15,35	27.947,24	-29,72	0,27	0,41
Singapore	3.761	18,92	9,27	20.515,11	-21,25	0,20	0,27
Ả Rập Xê Út	2.967	-0,35	-40,61	20.352,33	-31,1	0,20	0,31
New Zealand	2.577	22,4	0,21	20.113,14	30,03	0,20	0,16
UAE	3.125	156,13	-30,16	13.125,07	-34,91	0,13	0,21
Lào	1.491	60,78	153,31	6.725,85	235,32	0,07	0,02
Nam Phi	1.240	36,47	235,58	5.857,18	24,49	0,06	0,05
Chile	1.063	-0,14	-24,8	5.140,94	-24,4	0,05	0,07
Thổ Nhĩ Kỳ	1.023	162,97	262,09	4.817,37	68,23	0,05	0,03
Nga	115	21,79	-75,6	2.374,96	-1,98	0,02	0,03
Na Uy	157	-1,98	-45,11	1.315,84	-22	0,01	0,02
Hồng Kông	425	363,97	193,14	1.073,73	-7,01	0,01	0,01
Kuwait	209	104,27	-1,34	915,83	-22,69	0,01	0,01

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Cục Hải quan

Cơ cấu chủng loại mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam:

Trong tháng 7/2026, ghế khung gỗ là chủng loại có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất, đạt 372,52 triệu USD, chiếm khoảng 23,2% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ của cả nước. Kim ngạch tăng 5,8% so với tháng 6/2026 và tăng 14,23% so với tháng 7/2025.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2026, ghế khung gỗ đạt 2,37 tỷ USD, tăng 9,61% so với cùng kỳ năm 2025. Đây cũng là chủng loại có tỷ trọng cao nhất, chiếm 23,2%, cao hơn mức 22,36% của cùng kỳ năm trước.

Trong 7 tháng đầu năm 2026, dầm gỗ đứng thứ hai với kim ngạch 1,74 tỷ USD, tăng tới 23,69% so với cùng kỳ năm 2025. Tỷ trọng đạt 17%, tăng đáng kể so với mức 14,52% cùng kỳ năm trước. Đây là một trong những chủng loại có mức tăng

trường nổi bật nhất trong 7 tháng, đồng thời mức tăng tỷ trọng cho thấy vị thế của dăm gỗ trong cơ cấu xuất khẩu ngày càng được củng cố. Riêng tháng 7, kim ngạch xuất khẩu dăm gỗ đạt 283,85 triệu USD, tăng 11,39% so với tháng 6 và tăng 46,24% so với tháng 7/2025.

Gỗ, ván và ván sàn có kim ngạch xuất khẩu đạt 1,56 tỷ USD trong 7 tháng, tăng 20,74% so với cùng kỳ. Tỷ trọng tăng từ 13,38% trong 7 tháng năm 2025 lên 15,30% trong 7 tháng đầu năm 2026. Đây là nhóm có tăng trưởng tốt, đứng thứ ba về kim ngạch và ngày càng đóng góp lớn hơn vào cơ cấu xuất khẩu.

Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn đạt 1,44 tỷ USD, nhưng giảm 4,02% so với cùng kỳ. Tỷ trọng cũng giảm từ 15,47% xuống 14,06% trong 7 tháng đầu năm 2026. Đồ nội thất phòng ngủ có kim ngạch đạt 1,12 tỷ USD, giảm 4,32% so với cùng kỳ; tỷ trọng giảm từ 12,16% xuống 11,01% trong 7 tháng đầu năm 2026.

Đồ nội thất nhà bếp là nhóm có mức suy giảm khá rõ, với kim ngạch 704,5 triệu USD, giảm 15,04%. Tỷ trọng giảm từ 8,58% xuống 6,90%. Đây là một trong những nhóm chịu sự suy giảm mạnh nhất trong 7 tháng.

Gỗ viên nén đạt 698,5 triệu USD, tăng 5,21% so với cùng kỳ. Đồ nội thất văn phòng giảm mạnh nhất trong các nhóm nội thất, với kim ngạch 160,4 triệu USD, giảm 26,76% so với cùng kỳ. Tỷ trọng cũng giảm từ 2,27% xuống 1,57%. Cửa gỗ đạt 39,1 triệu USD, tăng 13,44% so với cùng kỳ. Tuy quy mô còn nhỏ, đây vẫn là chủng loại có diễn biến tích cực; tỷ trọng tăng nhẹ từ 0,36% lên 0,38%...

Một số chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tháng 7 và 7 tháng năm 2026

Chủng loại	Tháng 7/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 6/2026 (%)	So với tháng 7/2025 (%)	7 tháng đầu năm 2026 (Nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2025
Tổng	1.609.604	3,9	8,55	10.209.840,32	5,6	100	100
Ghế khung gỗ	372.522	5,80	14,23	2.369.025	9,61	23,20	22,36
Dăm gỗ	283.854	11,39	46,24	1.735.840	23,69	17,00	14,52
Gỗ, ván và ván sàn	243.144	-5,61	11,88	1.561.633	20,74	15,30	13,38
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	235.215	6,97	8,91	1.435.028	-4,02	14,06	15,47
Đồ nội thất phòng ngủ	184.129	10,35	3,23	1.124.533	-4,32	11,01	12,16

Chủng loại	Tháng 7/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 6/2026 (%)	So với tháng 7/2025 (%)	7 tháng đầu năm 2026 (Nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2025
Đồ nội thất nhà bếp	118.371	3,36	-16,66	704.503	-15,04	6,90	8,58
Gỗ viên nén	94.185	-16,26	-12,88	698.539	5,21	6,84	6,87
Đồ nội thất văn phòng	23.742	-1,01	-28,63	160.374	-26,76	1,57	2,27
Cửa gỗ	7.541	4,70	48,52	39.100	13,44	0,38	0,36
Đồ gỗ mỹ nghệ	5.243	-7,69	40,62	26.145	-8,21	0,26	0,29
Khung gương	149	10,60	18,77	1.123	-3,26	0,01	0,01

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan

Một số chính sách, quy định tác động đến xuất khẩu hàng gỗ và sản phẩm gỗ trong năm 2026:

Từ ngày 8/7/2026, Mỹ chính thức áp dụng quy định yêu cầu mọi sản phẩm nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban An toàn Sản phẩm Tiêu dùng Mỹ (CPSC) phải được nộp hồ sơ điện tử bắt buộc tại thời điểm nhập khẩu.

Theo quy định, các nhà nhập khẩu cũng phải nộp đầy đủ bộ thông báo CPSC PGA cho từng sản phẩm nhằm tăng cường giám sát an toàn và tính minh bạch trong tuân thủ quy định. Để đơn giản hóa quy trình, nhà nhập khẩu có thể khai báo trước thông tin sản phẩm trên Hệ thống Đăng ký Sản phẩm của CPSC, cho phép sử dụng bộ thông báo CPSC rút gọn. Đối với các nhà xuất khẩu tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đây được xem là thay đổi đáng kể khi doanh nghiệp phải chuẩn bị đầy đủ thông tin sản phẩm trước khi hàng hóa được vận chuyển.

Quy định này có tác động nhất định đến xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam, đặc biệt đối với các sản phẩm thuộc diện phải chứng nhận như một số loại đồ nội thất, đồ nội thất dành cho trẻ em và sản phẩm có yêu cầu về an toàn, sơn và lớp phủ. Doanh nghiệp xuất khẩu phải bảo đảm thông tin về sản phẩm, tiêu chuẩn áp dụng, kiểm nghiệm và chứng nhận được đầy đủ, chính xác để phục vụ khai báo điện tử. Quy định mới không áp dụng đồng loạt cho toàn bộ sản phẩm gỗ, nhưng làm gia tăng yêu cầu về quản lý hồ sơ, kiểm nghiệm và khả năng truy xuất thông tin sản phẩm.

Đánh giá triển vọng:

Triển vọng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong thời gian tới được đánh giá khá tích cực, nhờ sự hội tụ của năng lực sản xuất, vị thế ngày càng được củng cố trên thị trường quốc tế và xu hướng mở rộng sang các thị trường mới. Sau một thời gian phụ thuộc tương đối lớn vào các thị trường truyền thống, đặc biệt là Mỹ, nỗ lực đa dạng hóa thị trường của ngành gỗ Việt Nam đang bắt đầu cho thấy những tín hiệu khả quan, trong đó châu Âu nổi lên như một thị trường giàu tiềm năng, nhất là đối với nhóm đồ nội thất.

Theo số liệu được Bộ Công Thương dẫn từ Mordor Intelligence, thị trường nội thất châu Âu được dự báo đạt khoảng 277,2 tỷ USD trong 2026 và tăng lên 358,3 tỷ USD vào năm 2031, tương đương tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 5,26%/năm. Quy mô thị trường lớn cùng nhu cầu tiêu dùng tương đối ổn định tạo dư địa đáng kể để doanh nghiệp Việt Nam mở rộng thị phần, đặc biệt trong các phân khúc nội thất có giá trị gia tăng cao.

Bên cạnh lợi thế về quy mô sản xuất, Việt Nam đã từng bước hình thành một hệ sinh thái sản xuất, cung ứng tương đối hoàn chỉnh, với lực lượng doanh nghiệp có kinh nghiệm gia công, năng lực thiết kế ngày càng được cải thiện và khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của những thị trường phát triển. Đây là nền tảng quan trọng để ngành gỗ chuyển dần từ mô hình sản xuất theo đơn hàng, cạnh tranh chủ yếu bằng năng lực và chi phí sang mô hình có giá trị gia tăng cao hơn, trong đó doanh nghiệp chủ động hơn về thiết kế, thương hiệu, sản phẩm và mạng lưới phân phối.

Nếu tận dụng tốt các hiệp định thương mại tự do, đồng thời đẩy mạnh xây dựng thương hiệu và phát triển những dòng sản phẩm phù hợp với thị hiếu từng thị trường, Việt Nam hoàn toàn có khả năng nâng cao vị thế từ một trung tâm sản xuất đồ gỗ lớn thành một trung tâm thiết kế, sản xuất và phân phối nội thất có vị thế trong khu vực. Tuy nhiên, triển vọng tích cực không đồng nghĩa với việc xuất khẩu gỗ sẽ tăng trưởng dễ dàng, bởi ngành đang đứng trước những yêu cầu ngày càng cao về tính hợp pháp và bền vững của nguồn nguyên liệu, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn môi trường, quản trị chuỗi cung ứng và trách nhiệm đối với môi trường.

Các quy định mới tại những thị trường lớn, cùng với yêu cầu ngày càng khắt khe của người tiêu dùng về sản phẩm xanh và nguồn gốc minh bạch, sẽ buộc doanh nghiệp phải đầu tư nhiều hơn cho vùng nguyên liệu, hệ thống truy xuất, chứng nhận

và công nghệ sản xuất. Bên cạnh đó, chi phí logistics, biến động tỷ giá, sức mua tại các thị trường lớn và những thay đổi khó lường trong chính sách thương mại, đặc biệt là chính sách thuế quan của Mỹ, vẫn là những yếu tố có thể gây sức ép lên đơn hàng, giá bán và biên lợi nhuận của doanh nghiệp.

Về dài hạn, việc đáp ứng tốt các tiêu chuẩn quốc tế không chỉ nên được nhìn nhận là một yêu cầu bắt buộc mà còn có thể trở thành lợi thế cạnh tranh mới của ngành gỗ Việt Nam, giúp doanh nghiệp tạo dựng niềm tin với khách hàng, tiếp cận các phân khúc cao cấp và nâng cao giá trị xuất khẩu.

Nhìn chung, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vẫn có dư địa tăng trưởng đáng kể trong thời gian tới, nhưng động lực tăng trưởng sẽ ngày càng phụ thuộc vào khả năng thích ứng của doanh nghiệp trước sự thay đổi của thị trường quốc tế. Nếu tận dụng tốt lợi thế từ các hiệp định thương mại, khai thác hiệu quả tiềm năng của thị trường châu Âu và các thị trường mới, đồng thời chủ động nâng cao chất lượng, thiết kế, tính bền vững và khả năng truy xuất nguồn gốc, ngành gỗ Việt Nam không chỉ có thể duy trì vị thế là một trong những ngành xuất khẩu chủ lực mà còn có cơ hội chuyển từ tăng trưởng dựa trên sản lượng sang tăng trưởng dựa trên giá trị, chất lượng và thương hiệu, qua đó nâng cao sức cạnh tranh và vị thế của đồ gỗ Việt Nam trên thị trường toàn cầu.